

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH RENEA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH RENEA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RENEA TOURISM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: RENEA TOURISM., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108440736

**3. Ngày thành lập:** 21/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, Số 7 Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ ăn uống khác<br>(Trừ dịch vụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)                              | 5629        |
| 2.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                     | 5630        |
| 3.  | Đại lý du lịch                                                                                              | 7911(Chính) |
| 4.  | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                             | 4921        |
| 5.  | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                    | 4922        |
| 6.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                         | 4931        |
| 7.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                            | 5210        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                    | 5221        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; | 5229        |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                   | 5510        |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                           | 7710        |
| 12. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                               | 7721        |
| 13. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                  | 7820        |
| 14. | Điều hành tua du lịch                                                                                       | 7912        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | <p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);</li> <li>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...;</li> <li>- Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền;</li> <li>- Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;</li> <li>- Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;</li> </ul> | 9329 |
| 16. | <p>Vận tải hành khách đường bộ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;</li> <li>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4932 |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 18. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ</p> <p>Chi tiết:- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách hoặc hàng hóa bằng đường bộ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5225 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610 |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5621 |
| 21. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7990 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN BÍCH PHƯỢNG | Số 189A Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    | 012651721                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CAO ĐÌNH TUÂN    | Thôn An Mỹ, Xã Thượng Vực, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 50,000    | 0010880043<br>47                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRỊNH MINH HOÀNG | Số 39 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    | 012785506                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN THỊ THẨM  | Thôn An Liêm, Xã Thăng Long, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    | 0341920001<br>56                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CAO ĐÌNH TUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088004347

Ngày cấp: 15/01/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Mỹ, Xã Thượng Vực, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn An Mỹ, Xã Thượng Vực, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội